CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/TRIKHOI/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRÍ KHÔI**

Địa chỉ: Tổ 11, khóm Phú Hiệp, phường Tịnh Biên, tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 091 888 7494

E-mail: duongthotnotbaxi@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: Số 1602180979 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 11 tháng 04 năm 2024.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG THỐT NỐT BA XI (DẠNG VIÊN)**

2. Thành phần: Đường thốt nốt thô (80%), đường cát (19,95%), chất bảo quản (211), chất chống oxy hoá (223).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 01 năm kể từ ngày sản xuất.

4. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi sản phẩm quá hạn sử dụng.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 250 g, 400 g, 500 g, 1 Kg, 3 Kg, 5 Kg, 10 Kg, 20 Kg, 25 Kg hoặc tuỳ theo yêu cầu của khách hàng và yêu cầu của thị trường.

- Chất liệu bao bì: Bao bì (túi, bao, gói, hũ, hộp, khay, thùng nhựa…) làm từ nhựa PP/PE/PA, hũ PET, hũ thủy tinh, bao bì bằng giấy, hộp giấy, túi giấy hoặc tuỳ theo yêu cầu của khách hàng và yêu cầu của thị trường (đạt yêu cầu bao bì chứa đựng thực phẩm, bao bì sạch, kín, đảm bảo vệ sinh).

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Trí Khôi sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm).
- QCVN 8-3:2012/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm).
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT (Thông tư Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm)
- Thông tư số 17/2023/TT-BYT (Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y Tế ban hành)
- Tiêu chuẩn kỹ thuật nội bộ

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

An Giang, ngày 19 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1602180979 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRÍ KHÔI T.X TỊNH BIÊN-T.AN GIANG

Hoàng Anh Trúc

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRÍ KHÔI

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Sản phẩm: ĐƯỜNG THỐT NỐT BA XI (DẠNG VIÊN)

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng viên
- Màu sắc: Đặc trưng của sản phẩm
- Mùi vị: Đặc trưng của sản phẩm

2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng tạp chất	%	≤ 5
2	Hàm lượng đường tổng	%	≥ 85
3	Hàm lượng tro không tan trong HCl	%	≤ 0.08

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	Coliforms	CFU/g	10^2
3	E.coli	CFU/g	3
4	S.aureus	CFU/g	10^2
5	Salmonella	/25g	Không có
6	Tổng số bào tử nấm men - mốc	CFU/g	10^2

4. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT (phần II: mục 1.15, mục 2.26, mục 3.32, mục 4.11)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	1,0
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,5
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

5. Giá trị dinh dưỡng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100 g	370 - 420
2	Hàm lượng chất đạm	g/100 g	0 - 0,5
3	Tổng Carbohydrate	g/100 g	92 - 99
4	Hàm lượng chất béo	g/100 g	0 – 0,5
5	Hàm lượng Natri	mg/100 g	24 - 33

6. Phụ gia thực phẩm: Sử dụng theo Thông tư 24/2019/TT-BYT và Thông tư 17/2023/TT-BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Natri benzoat (211)	mg/kg	1000
2	Natri metabisulfit (223)	mg/kg	40

An Giang, ngày 19 tháng 09 năm 2026

NGƯỜI PHÊ DUYỆT

GIÁM ĐỐC

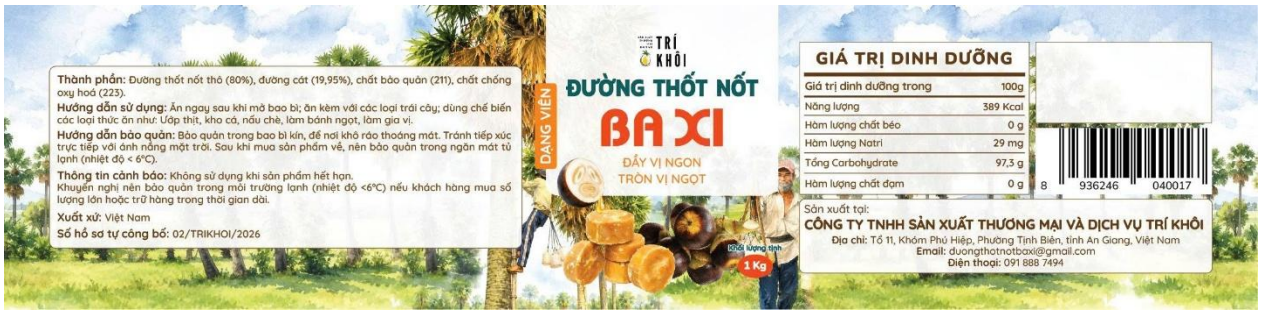
M.S.D.N: 1602160979 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRÍ KHÔI T.X TỊNH BIÊN-T.AN GIANG

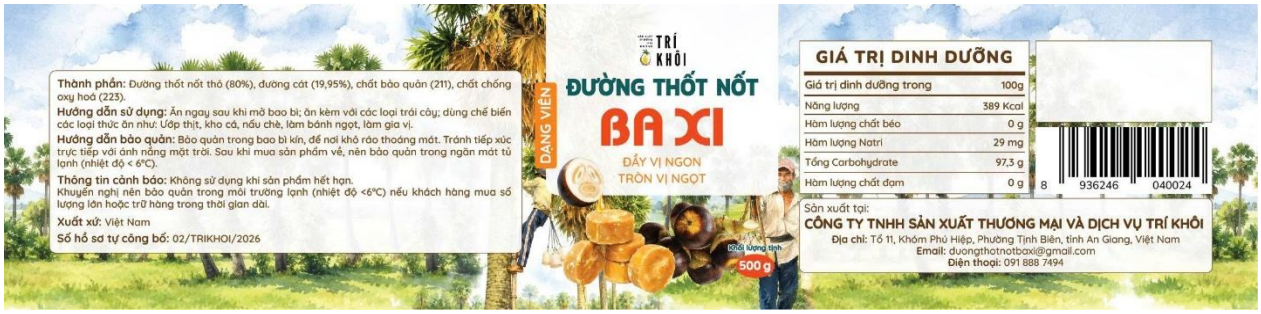
Hoàng Anh Trúc

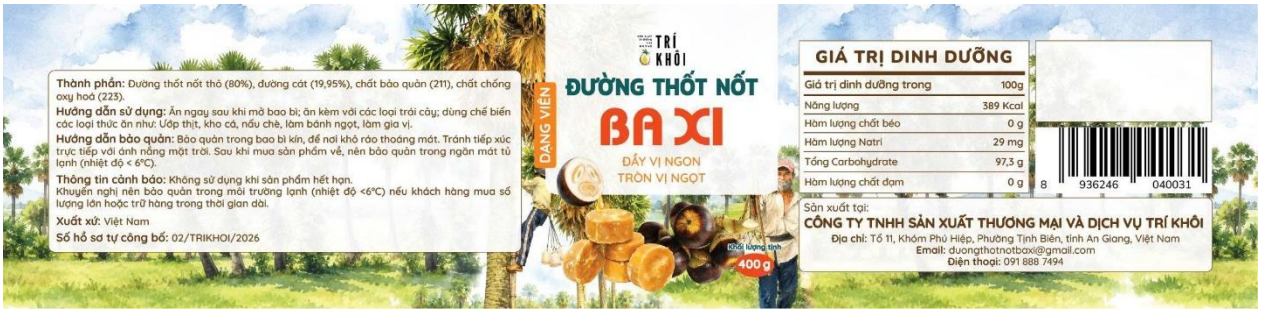
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRÍ KHÔI

MẪU NHÃN DỰ KIẾN CỦA SẢN PHẨM

ĐƯỜNG THỐT NỐT BA XI (DẠNG VIÊN)







An Giang, ngày 19 tháng 09 năm 2026

NGƯỜI PHÊ DUYỆT

GIÁM ĐỐC

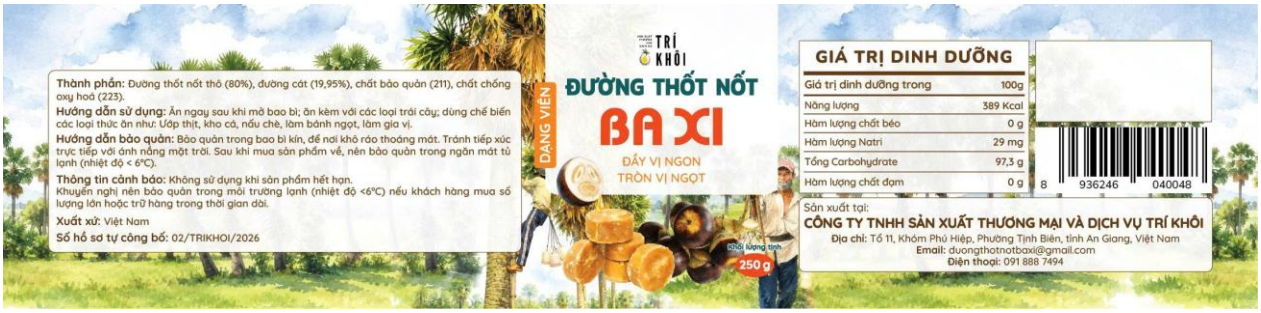
M.S.D.N: 1602100979 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRÍ KHÔI TX TỊNH BIÊN-T.AN GIANG

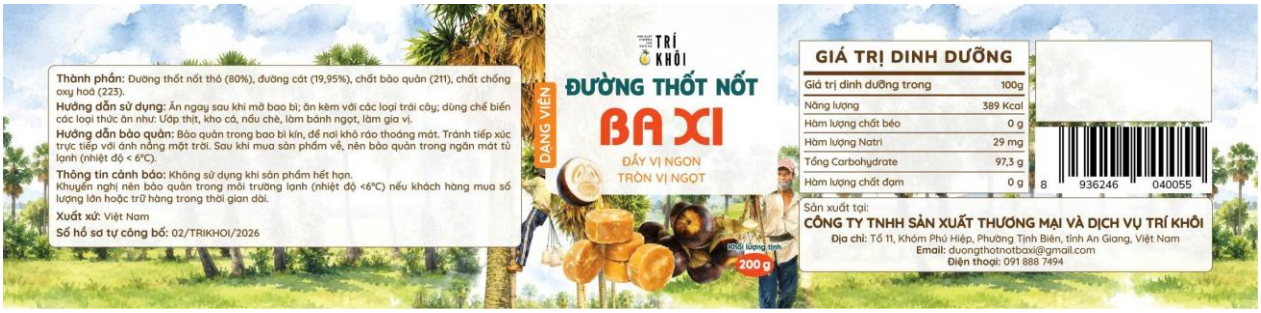
Hoàng Anh Trúc

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRÍ KHÔI

MẪU NHÃN DỰ KIẾN CỦA SẢN PHẨM

ĐƯỜNG THỐT NỐT BA XI (DẠNG VIÊN)





An Giang, ngày 19 tháng 09 năm 2026

NGƯỜI PHÊ DUYỆT

GIÁM ĐỐC

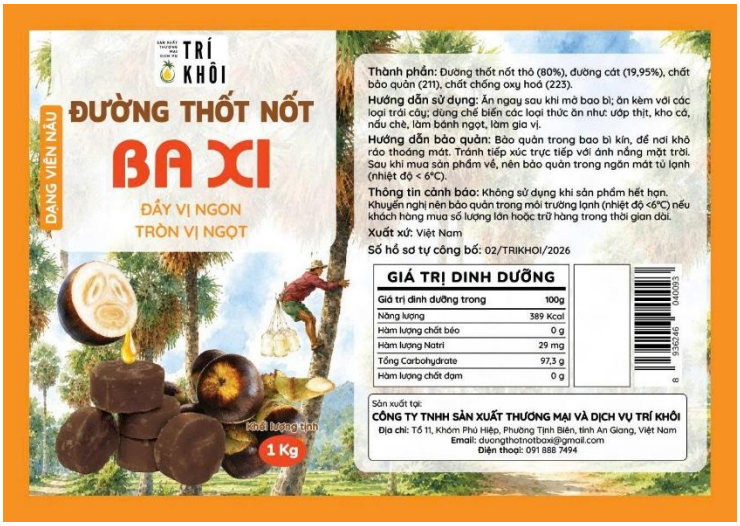
M.S.D.N: 1602180979 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRÍ KHÔI T.X TỊNH BIÊN-T.AN GIANG

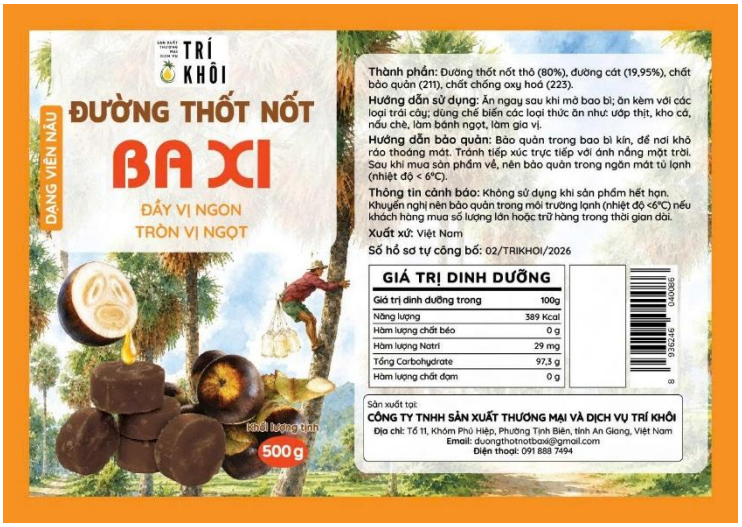
Hoàng Anh Trúc

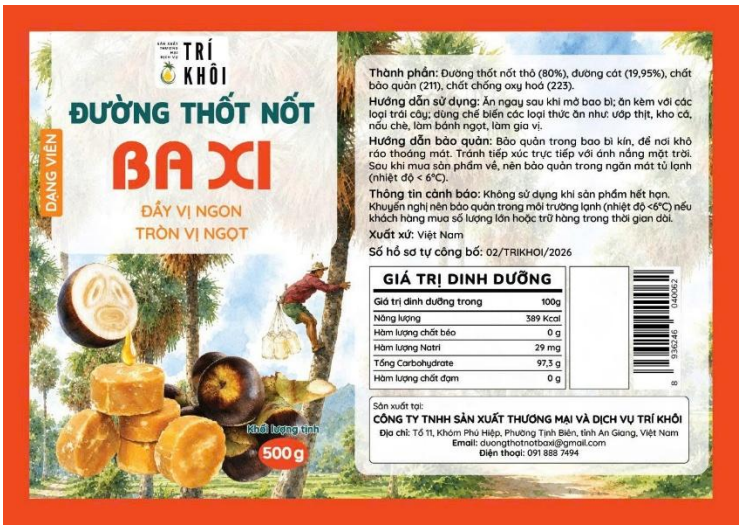
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRÍ KHÔI

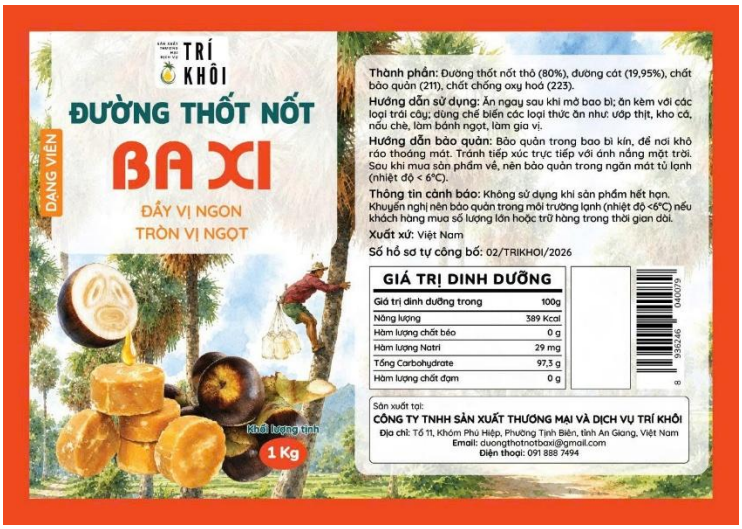
MẪU NHÃN DỰ KIẾN CỦA SẢN PHẨM

ĐƯỜNG THỐT NỐT BA XI (DẠNG VIÊN)









An Giang, ngày 19 tháng 09 năm 2026

NGƯỜI PHÊ DUYỆT

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1602180979 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRÍ KHÔI T.X TỊNH BIÊN-T.AN GIANG

Hoàng Anh Trúc

VILAS 686

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Báo cáo số : 2608002259-02

Ngày: 29/08/2026

Mã mẫu số	:	2608002259-02
Tên khách hàng	:	**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRÍ KHÔI**
Địa chỉ	:	Tổ 11, Khóm Phú Hiệp, Phường Tịnh Biên, Tỉnh An Giang, Việt Nam
Thông tin mẫu	:	Đường thốt nốt Ba Xi (dạng viên)
Thông tin niêm phong	:	Không niêm phong
Mô tả mẫu	:	Mẫu chứa trong hũ nhựa
Ngày nhận mẫu	:	22/08/2026
Ngày bắt đầu phân tích	:	22/08/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

[Xem trang kế tiếp]

Ghi chú:

(#) Chỉ tiêu được thực hiện bởi phòng Thử nghiệm tại chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.
(*)Phương pháp được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia (BoA).
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.
- Thông tin mẫu được khách hàng cung cấp.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được sao chép một phần báo cáo kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban giám đốc Công ty TNHH TENTAMUS VIỆT NAM.

Trưởng phòng Kiểm nghiệm

TRẦN MINH THỨ

Đại diện Công ty TNHH TENTAMUS VIỆT NAM

M.S.D.N:1801303488-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH TENTAMUS VIỆT NAM THÀNH PHỐ CẦN THƠ

LƯƠNG PHƯỚC VINH

▪ **TENTAMUS VIETNAM LIMITED LIABILITY COMPANY – Testing Center:**
Lot A39-26, Nguyen Van Cu street, My Phuoc hamlet, An Binh ward,
Can Tho city, Viet Nam

Tel: +84-292 391 8840

▪ **HO CHI MINH City Branch – Testing Center:**
Van Dat Building, Lot II-1, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh ward,
Ho Chi Minh city, Viet Nam

Email: hello.vn@tentamus.com

VILAS 686

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Báo cáo số : 2608002259-02

Ngày: 29/08/2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	LOD	LOQ	Phương pháp
1	Năng lượng	Kcal/100g	389	-	-	Tính toán từ carbohydrate, béo, đạm (#)
2	Carbohydrate	g/100g	97.3	-	-	Regulation (EU) No 1169/2011 (#)
3	Đạm	g/100g	Không phát hiện	-	0.15	WRT/TM/CC/01.19:2025 (#) (*)
4	Béo	g/100g	Không phát hiện	0.1	0.3	WRT/TM/CC/01.18:2025 (Ref. FAO 14/7- 1986, trang 212 đến 219) (#) (*)
5	Giảm khối lượng khi sấy	g/100g	2.6	0.01	0.03	TCVN 6332:2010 (GS 2/1/3-15:2005) (#)
6	Tro	g/100g	< 0.3 (0.12)	0.1	0.3	WRT/TM/CC/01.17:2025 (#) (*)
7	Xơ dinh dưỡng	g/100g	Không phát hiện	0.1	0.3	AOAC 991.43 (#) (*)
8	Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường	-	Không phát hiện	-	-	WRT/TM/NC/01.40:2024 (Ref. TCVN 12387:2018; ISO 6658:2017)
9	Đường tổng	%	93.2	0.1	0.3	WRT/TM/CC/01.27:2025 (#) (*)
10	Tro không tan trong HCl	%	Không phát hiện	-	0.06	WRT/TM/CC/ 01.28:2025 (Ref AOAC 920.46) (#) (*)
11	Coliform	CFU/g	< 10	-	-	ISO 4832:2006 (#) (*)
12	*Salmonella* spp.	/25g	Không phát hiện	-	-	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020 (#) (*)
13	*Staphylococcus aureus*	CFU/g	< 10	-	-	FDA/BAM Chapter 12:2016 (#) (*)
14	Tổng vi sinh vật hiếu khí (30°C)	CFU/g	< 10	-	-	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022 (#) (*)
15	*Escherichia coli* giả định	MPN/g	0	-	-	TCVN 6846:2007 (#) (*)
16	Nấm men và nấm mốc	CFU/g	< 10	-	-	ISO 21527-2:2008 (#) (*)
17	Cadimi (Cd)	mg/kg	Không phát hiện	0.006	0.02	AOAC 2013.06 (#) (*)
18	Chì (Pb)	mg/kg	Không phát hiện	0.006	0.02	AOAC 2013.06 (#) (*)
19	Asen (As)	mg/kg	Không phát hiện	0.006	0.02	AOAC 2013.06 (#) (*)
20	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	Không phát hiện	0.006	0.02	AOAC 2013.06 (#) (*)
21	Natri (Na)	mg/100g	29	0.6	2	WRT/TM/CC/01.05:2022 (Ref. TCVN 10916:2015 (AOAC 985.35)) (#) (*)

▪ **TENTAMUS VIETNAM LIMITED LIABILITY COMPANY – Testing Center:**
Lot A39-26, Nguyen Van Cu street, My Phuoc hamlet, An Binh ward,
Can Tho city, Viet Nam

Tel: +84-292 391 8840

▪ **HO CHI MINH City Branch – Testing Center:**
Van Dat Building, Lot II-1, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh ward,
Ho Chi Minh city, Viet Nam

Email: hello.vn@tentamus.com

VILAS 686

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Báo cáo số : 2608002259-02

Ngày: 29/08/2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	LOD	LOQ	Phương pháp
22	Axit benzoic	mg/kg	272	3	10	WRT/TM/LC/01.40:2019 (*)
23	Natri benzoat (tính từ axit benzoic)	mg/kg	321	-	-	WRT/TM/LC/01.40:2019
24	Natri metabisunfit (tính theo SO_2)	mg/kg	Không phát hiện	-	15	AOAC 990.28 (#)
25	Sulfit (SO_2)	mg/kg	< 10	3	10	AOAC 990.28 (#) (*)

Tổng số chỉ tiêu: 25

[Báo cáo kết thúc]

▪ **TENTAMUS VIETNAM LIMITED LIABILITY COMPANY – Testing Center:**
Lot A39-26, Nguyen Van Cu street, My Phuoc hamlet, An Binh ward,
Can Tho city, Viet Nam

Tel: +84-292 391 8840

▪ **HO CHI MINH City Branch – Testing Center:**
Van Dat Building, Lot II-1, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh ward,
Ho Chi Minh city, Viet Nam

Email: hello.vn@tentamus.com